TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2025
V/v "Ly hôn, nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hùng Cường

Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, nuôi con, nợ chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thùy H, sinh ngày 26/6/1993; căn cước công dân số: 044193000743; địa chỉ: bản B, xã D, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân G, sinh ngày 19/9/1989; căn cước công dân số: 044089000279; địa chỉ: bản B, xã D, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở chính: số A phố L, phường H, Thành phố Hà Nội;

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tất T, chức vụ: Phó giám đốc Phòng G1; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Thùy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 09/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/9/2024 đến nay, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, tình cảm cứ thế nhạt dần nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh G.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012 và Cao Đức Đ1, sinh ngày 08/9/2017. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng có vay nợ ngân hàng C (thông qua Phòng G1) số tiền 50.000.000 đồng nhằm mục đích trả nợ cho anh G nên khi ly hôn, đề nghị anh G có trách nhiệm trả số nợ này cho ngân hàng.

Bị đơn anh Cao Xuân G trình bày tại tờ tự khai ngày 26/7/2025: trong thời gian chung sống, vợ chồng có vay của ngân hàng C (thông qua Phòng G1) số tiền 50.000.000 đồng, với số tiền này, anh G nhận và chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu chị H trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Nguyễn Tất T đại diện tham gia tố tụng trình bày: Vợ chồng anh G và chị H có vay nợ của ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng theo khế ước số 6600000730550680 ngày 14/3/2025. Nay vợ chồng ly hôn, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh G là người có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Đồng thời, qua nắm bắt thông tin từ tổ vay vốn của ngân hàng được biết, anh G nhận nợ và đồng ý có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C, đại diện tham gia tố tụng là ông Nguyễn Tất T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 37, 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 235, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: cho

chị H ly hôn anh anh G; về con chung: giao cháu Đ, Đ1 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đ/con; về tài sản chung: không có nên không xét; về nợ chung: buộc anh G trả số nợ ngân hàng cả gốc và lãi; về án phí: chị H, anh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị Thùy H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn với anh Cao Xuân G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Qua xác minh tại địa phương, tài liệu do chị H cung cấp được biết anh G có nơi cư trú tại bản B, xã D, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị H, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Cao G đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh G và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy H và anh Cao Xuân G tự nguyện kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân mỗi người một nơi vào ngày 10/9/2024.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng ly thân từ ngày 10/9/2024 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc, hỏi han nhau, như vậy có thể thấy không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh G đến Tòa án để tiến hành hòa giải tuy nhiên anh G không có thiện chí tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm, có tờ tường trình gửi đến Tòa án nhưng không đề cập đến việc mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị H. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh G là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Cao Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012 và Cao Đức Đ1, sinh ngày 08/9/2017. Hiện nay, các cháu đang chung sống với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, đề nghị anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Đ và cháu Đ1 và thấy rằng, 02 cháu hiện đang sống cùng nhau, đều có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ không còn chung sống với nhau.

Xét thấy, các con chung hiện nay đều được đi học đầy đủ, phát triển ổn định, bình thường, các con chung đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Cao Thành Đ và cháu Cao Đức Đ1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị H là hoàn toàn phù hợp, mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu phù hợp mức cấp dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Để đảm bảo các khoản chi phí chăm sóc con, nuôi dưỡng con nên buộc anh G cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp. Nên chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị H.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ chung:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, sổ vay vốn, tờ tự khai, tại phiên tòa giải đều cho thấy, trong thời gian là vợ chồng, chung sống với nhau, chị H và anh G có vay của Ngân hàng C (thông qua Phòng G1) với số tiền 50.000.0000 đồng theo khế ước số 6600000730550680 ngày 14/3/2025. Số tiền lãi phát sinh đến ngày 14/9/2025 là 385.000 đồng. Chị H, anh G và đại diện của ngân hàng đều thống nhất giao khoản vay này cho anh G có trách nhiệm trả nợ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định, chị H và anh G có vay nợ tại Ngân hàng C (thông qua Phòng G1) với số tiền 50.000.0000 đồng theo khế ước số 6600000730550680 ngày 14/3/2025. Nay, chị H yêu cầu ly hôn, tất cả các đương sự đều thống nhất giao khoản vay cho anh G có nghĩa vụ trả nợ, Việc vay nợ của vợ chồng anh G, làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa anh G với Ngân hàng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó,

Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị H và giao khoản vay cho anh G có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Do được ghi nhận trong bản án về việc nghĩa vụ trả nợ nên anh G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ngân hàng theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 37, 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 280, 463 và 466 Bộ luật Dân sự;

Các điểm a, đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thùy H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thùy H và anh Cao Xuân G.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Cao Thành Đ, sinh ngày 23/10/2012 và Cao Đức Đ1, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Đinh Thị Thùy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cao Xuân G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp

dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đển cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung: Không có nên không xét.

1.4. Về quan hệ nợ chung: Anh Cao Xuân G có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C (thông qua Phòng G1) với số tiền 50.000.0000 đồng theo khế ước số 6600000730550680 ngày 14/3/2025. Số tiền lãi phát sinh đến ngày 14/9/2025 là 385.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thùy H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000370 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Anh Cao Xuân G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Cao Xuân G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 1.259.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- UBND xã Tân Thành, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Đức Cảnh